TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày 29-4-2026
"*V/v Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:*** Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 57/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021, thụ L độc lập ngày 29/3/2023 về việc "*Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 04/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-DS ngày 04/3/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 31/3/2026, Thông báo về việc mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 10/4/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 1 Thành T, phường Cẩm L (phường Khuê Tr, quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 2 Đô Đốc L, tổ 63HX, phường Hòa X (quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Bình Điền - Huế - Bộ Công An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 35 Trần Nam Tr, phường Hòa X (quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 15 Cồn D, tổ 68 (Lô 6 khu B2-1 khu E mở rộng KDC Nam cầu Cẩm Lệ), phường Hòa X (quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/4/2021, đơn rút đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N ngày 25/8/2025; Đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L các ngày 01/6/2021, ngày 07/6/2021 và ngày 29/3/2023, bản tự khai của bà L, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Bà L xác định giữa bà với bà Hồ Thị N trước đây có quan hệ quen biết nhau. Vào ngày 30/6/2016 bà Hồ Thị N có mượn của bà L số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không lãi suất, thời hạn mượn là sau 30 ngày sẽ trả, bà Hồ Thị N có cầm Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ đứng tên ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) cho bà L. Quá thời gian mượn tiền bà Hồ Thị N không trả tiền cho bà L, sau đó bà Hồ thị N bị bắt và phải chấp hành án phạt tù nên đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà L.

Nay bà L khởi kiện bà Hồ Thị N, yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị N trả số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với bản chính Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ đứng tên ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) hiện bà L đang cầm giữ, bà Hồ Thị N không có ý kiến gì và không nói rõ có nhận lại phiếu đất không nên bà L xác định bà tiếp tục cầm giữ, nếu sau này người nào có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Bị đơn Hồ Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Bà Hồ Thị N xác định, bà có mượn của bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không lãi suất như bà L trình bày ở trên, thời hạn mượn là sau 30 ngày sẽ trả. Nhưng do điều kiện của bản thân nên chưa có tiền trả cho bà L, nay bà L khởi kiện bà đòi số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà Hồ Thị N đồng ý trả; đối với tiền lãi, bà Hồ Thị N không trả. Bà Hồ Thị N xác định bà không nhớ có cầm Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ cho ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) cho bà Nguyễn Thị Cẩm L hay không và không có ý kiến gì với phiếu đất bà L đang cầm, giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N trình này: Bà có khởi kiện bà Hồ Thị N về việc tiếp tục tục hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E

mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ cho ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) nhưng bà đã rút đơn khởi kiện nên không xem xét.

- Ông Lê Quang T trình bày: Ông là cháu của ông Lê C và bà Huỳnh Thị D, ông không có trách nhiệm và quyền lợi đến Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) vì ông Lê C và bà Huỳnh Thị D còn có con là cha và cô của ông. Sau đó, ông T bổ sung ý kiến xác định lô đất trên ông Lê C và bà Huỳnh Thị D có nhờ bà Hồ Thị N đi làm sổ đỏ nhưng chưa làm được thì bà Hồ Thị N bị bắt, sau khi bà Hồ Thị N bị bắt thì mới biết bà Hồ Thị N đã cầm phiếu đất cho bà L, còn lô đất thì bà Nguyễn Thị N đã xây nhà ở trên đó nên đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Hồ Thị N trả lại phiếu đất và bà Nguyễn Thị N trả lại đất nhà cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo; tuy nhiên hồ sơ này thụ L từ năm 2021, Thẩm phán thụ L vụ án trước, giải quyết vụ án còn chậm trễ, nhưng nội dung của Thẩm phán trước liên quan đến khởi kiện của bà Nguyễn Thị N với bà Hồ Thị N, sau đó bà Nguyễn Thị N đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; đồng thời ra thông báo thay đổi tư cách tố tụng của bà Nguyễn Thị Cẩm L từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thành nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N từ nguyên đơn thành người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì thêm.

Đối với bị đơn bà Hồ Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Quang T và bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai, trong đó bà Hồ thị N xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa đã được mở lại lần thứ hai nên quyền lợi của người vắng mặt đã bảo đảm. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Hồ Thị N, ông T và bà Nguyễn Thị N.

Về nội dung: Áp dụng các điều 290, 305, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Tương ứng: Điều 280, 357, 468, 469, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 147; Khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L đối với bị đơn Hồ Thị N về việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Xử: Buộc bà Hồ Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền nợ gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ sau ngày Tòa án thụ L yêu cầu độc lập ngày 29/3/2023 +3 tháng là ngày 30/6/2023 đến ngày xét xử 29/4/2026 là 1.034 ngày, theo lãi suất 10%/năm là 42.493.150 đồng; tổng tiền bà Hồ Thị N phải trả cho bà L là 192.493.150 đồng.

Đối với bản chính Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ cho ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) hiện bà L đang cầm giữ, bà N là người giao cho bà L cầm giữ nhưng không có ý kiến gì nên không xem xét, nếu sau này người nào có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị N thua kiện nên buộc bị đơn Hồ Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với nội dung bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Hồ Thị N về việc "Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ" cho bà Nguyễn Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N đã rút đơn nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, đồng thời thay đổi tư cách tố tụng của bà L từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thành nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N từ nguyên đơn thành người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Nếu sau này giữa bà Nguyễn Thị N với các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác nên việc vắng mặt của bà N cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó bà Nguyễn Thị N không có quyền kháng cáo trong vụ án này.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện độc lập đối với bị đơn bà Hồ Thị N tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng về việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu độc lập của bà L đã được Tòa án thụ L trong cùng vụ án với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn bà Hồ Thị N, sau khi bà Nguyễn Thị N rút đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Cẩm L không rút yêu cầu độc lập nên Tòa án giải quyết yêu cầu độc lập của bà L với bà Hồ Thị N có địa chỉ: Số 42 Đô Đốc Lộc, phường Hòa Xuân (quận Cẩm Lệ cũ), thành phố Đà Nẵng. Hiện bà Hồ Thị N đang chấp hành án tại Trại Giam Bình Điền - Huế - Bộ Công An. Căn cứ quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

thì Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết đơn khởi kiện độc lập của bà L là đúng thẩm quyền.

[1.3] Đối với ông Lê Quang T, ông T tham gia tố vì có liên quan đến Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ cho ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) là khởi kiện giữa bà Nguyễn Thị N với bà Hồ Thị N, không có liên quan đến việc mượn tiền của bà Hồ Thị N với bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông T cũng không có ý kiến đối với khởi kiện độc lập của bà L. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N thì bà N đã rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Hồ Thị N. Do đó, việc giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Cẩm L không còn liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông T nên Hội đồng xét cử loại trừ ông T ra khỏi tư cách người tham gia tố tụng. Như vây, việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ông T không có quyền kháng cáo trong vụ án giữa bà L với bà Hồ Thị N. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[1.4] Đối với việc vắng mặt của bị đơn bà Hồ Thị N, bà N đã có bản trình bày và có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên Tòa được mở lại lần hai nên quyền lợi của bà N đã được bảo đảm. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Hồ Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị N thanh toán số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L thì thấy:

Cả nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L và bị đơn bà Hồ Thị N đều thừa nhận, vào năm 2016 bà L có cho bà Hồ Thị N mượn số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không lãi suất, thời hạn mượn là 30 ngày sau sẽ trả, quá thời hạn bà Hồ Thị N chưa trả. Nay bà Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện đòi bà N số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà Hồ Thị N đồng ý trả. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bị đơn bà Hồ Thị N, buộc bà Hồ Thị N trả cho bà L số tiền nợ gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn thì thấy:

Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 30/6/2016 ghi về thời hạn mượn tiền là: "*Tôi hẹn sau 30 ngày tôi hoàn trả*"…, không ghi lãi suất. Như vậy, hợp đồng vay tiền trên được xác định là không kỳ hạn.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ*

ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp L" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp L" quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo".

Ngày 29/3/2023 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ L yêu cầu độc lập của bà L + 03 tháng là ngày 30/6/2023 bắt đầu tính lãi của số tiền bà Hồ thị N chậm trả. Từ ngày 30/6/2023 đến ngày xét xử ngày 29/4/2026 là 1.034 ngày, hợp đồng không thỏa thuận lãi suất nên căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì lãi suất sẽ được áp dụng không quá 10%/năm. Như vậy, số tiền lãi bà Hồ Thị N phải trả cho bà L là 150.000.000đ x 10%/năm x 1.034 ngày/365 ngày = 42.493.150 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Hồ Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L là 192.493.150 đồng.

[2.2] Đối với bản chính Phiếu phân lô đất 3982/PĐ-BGTĐB ngày 09/4/2011 của Ban giải tỏa đền bù số 2 – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng cấp lô đất số 63, khu B2-1, đường 5,5m thuộc khu E mở rộng – KDC Nam cầu Cẩm Lệ đứng tên ông Lê C và bà Huỳnh Thị D (Hồ sơ số 4464) hiện bà L đang cầm giữ, bà N là người giao Phiếu phân lô đất cho bà L cầm giữ nhưng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này người nào có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị N thua kiện nên buộc bị đơn Hồ Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 290, 305, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Tương ứng: Điều 280, 357, 468, 469, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L đối với bị đơn bà Hồ Thị N về việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hồ Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 192.493.150đ (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, một trăm năm mươi đồng); trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi 42.493.150đ (bốn mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, một trăm năm mươi đồng) tính đến ngày 29/4/2026.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Hồ Thị N phải chịu 9.624.657đ (chín triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

4. Về kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 29/4/2026.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3-Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh